

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2009



- ♦ Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM**
- ♦ Tên tiếng Anh: **VIETNAM CONTAINER SHIPPING JOINT-STOCK COMPANY**
- ♦ Tên viết tắt: **Viconship**
- ♦ Mã chứng khoán : **VSC**
- ♦ Trụ sở chính : **11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng**
- ♦ Điện thoại **(84 - 31) 3 836 705**
- ♦ Fax **(84 - 31) 3 836 104**
- ♦ Website www.viconship.com
- ♦ Email viconship@hn.vnn.vn

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Những sự kiện quan trọng

Tiền thân của Công ty là Công ty Container Việt Nam, chính thức thành lập ngày 27 tháng 7 năm 1985 theo quyết định số: 1310/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Số vốn ban đầu được Nhà nước giao tại thời điểm thành lập là 7,2 triệu đồng.

Công ty cổ phần Container Việt Nam được thành lập theo quyết định số 183/TTG ngày 04 tháng 03 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000185 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 01 tháng 04 năm 2002, được sửa đổi bổ sung lần thứ 9 vào ngày 22 tháng 12 năm 2009. Trong quá trình hoạt động Công ty được Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hải phòng điều chỉnh Giấy phép đăng ký kinh doanh với vốn điều lệ hiện thời là : 120.305.510.000 đ.

Ngày 12/12/2007, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Quyết định Niêm yết số 172/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty Cổ phần Container Việt Nam (Viconship) niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Tp HCM. Ngày 09/01/2008 cổ phiếu Viconship đã chính thức giao dịch với mã chứng khoán VSC và là công ty thứ 139 niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán T.P Hồ Chí Minh.

Quá trình phát triển và định hướng phát triển của Công ty

Được thành lập từ năm 1985 cho đến nay, trải qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển, từ hoạt động ban đầu là vận chuyển Container, Công ty đã không ngừng phát triển cả về chất và về lượng. Một mặt Công ty tiến hành mở rộng hệ thống dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, mặt khác Công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu khắt khe của khách hàng. Việc làm đó có ý nghĩa rất lớn trong việc đảm bảo phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh cho Công ty.

Công ty luôn nghiên cứu, tìm hiểu thị trường để đầu tư vào nhiều lĩnh vực tiềm năng mới trên cơ sở những thế mạnh kinh doanh sẵn có, nhằm mang lại lợi ích kinh tế lớn nhất và ngày càng đưa Công ty phát triển lên một tầm cao mới.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2009, trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu, kinh tế thế giới suy thoái, trong nước tình trạng lạm phát gia tăng, kèm theo những thay đổi bất thường về tài chính tiền tệ ... đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và việc triển khai thực hiện các kế hoạch đầu tư mở rộng sản xuất của Công ty.

- Thị trường vận tải biển không ổn định, giá cước vận tải vẫn ở mức rất thấp.

- Giá cước các loại dịch vụ có nhiều biến động.

- Lượng hàng XNK thông qua Cảng bất bình hành. Quý 2 năm 2009 lượng hàng container lạnh ùn tắc tại Cảng, gây tình trạng thiếu bãi xếp chứa, ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất.

- Chi phí nguyên nhiên vật liệu tăng cao ...

Mặc dù có một số khó khăn như vậy, nhưng mặt thuận lợi là Công ty luôn nhận được sự tín nhiệm của các cổ đông, sự ủng hộ của khách hàng. Số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ cảng biển, kho, bãi, vận chuyển nội địa ... ngày càng tăng nhiều. Mặt khác, Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty luôn theo sát tình hình, đề ra các quyết định và chiến lược kinh doanh phù hợp, kịp thời như các về vấn đề đầu tư, điều chỉnh giá dịch vụ, đảm bảo đủ cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ sản xuất ... tìm mọi biện pháp từng bước nâng cao hiệu quả quản trị về sản xuất kinh doanh cũng như về lĩnh vực tài chính. Kết quả là năm 2009, Công ty đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trong quá trình tăng trưởng và phát triển, hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu Đại hội cổ đông đã đề ra.

Tổng doanh thu thuần đạt 457,66 tỷ đồng, tăng 46,33% so với thực hiện năm 2008, tăng 27,13% so với kế hoạch năm 2009.

Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 174,25 tỷ đồng, tăng 48,03% so với thực hiện năm 2008, tăng 51,52 % so với kế hoạch năm 2008.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 12.992 đồng, tăng 1.076 đồng so với năm 2008.

Tổng giá trị các hạng mục đã đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh trong năm 2009 là: 144,07 tỷ đồng. Trong đó:

- Mua sắm thiết bị: Mua tàu container Green star 01, 1 cần trục chân đế KE, 5 xe khung mang container đã qua sử dụng, 10 đầu kéo container và móc chuyên dùng ... , tổng giá trị: 115,40 tỷ đồng.

- Xây dựng cơ bản: Thi công bãi chứa container (13.800 m²) và các công trình phụ trợ tại Hòa Cầm - Đà Nẵng; Góp vốn xây dựng kho trung chuyển hàng hóa tại Hưng Yên; Thiết kế thi công trụ sở làm việc 6 tầng tại T.P Hồ Chí Minh; Xây dựng bãi chứa container, xưởng sửa chữa và các công trình phụ trợ tại bãi mới (1,5 ha) khu vực Đình Vũ – Hải Phòng; Nạo vét khu nước trước bến cầu cảng Green port, sửa chữa bãi chứa container ... , tổng giá trị: 28,67 tỷ đồng.

Kế hoạch kinh doanh trong thời gian tới: Công ty sẽ theo sát tình hình thị trường, đảm bảo duy trì các hoạt động sản xuất chính ổn định; đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá trị thương hiệu; lựa chọn hạng mục đầu tư, quy mô đầu tư để tiếp tục mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh ... tiếp tục đưa Công ty phát triển bền vững và tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai .

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Báo cáo tình hình tài chính

Tình hình tài chính năm 2009 của Công ty qua một số chỉ tiêu:

Tỷ suất lợi nhuận:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	23,95 %
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	33,89 %
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ	35,96 %

Khả năng thanh toán:

- Khả năng thanh toán nhanh	1,26 lần
- Khả năng thanh toán hiện hành	3,00 lần

Vốn góp của cổ đông: Năm 2009, Công ty đã phát hành thêm 2.405.923 cổ phiếu (tương đương 24.059.230.000 đồng) để thưởng cho cổ đông hiện hữu (ngày niêm yết có hiệu lực trên Sở GDCK TP Hồ Chí Minh: 31/12/2009, ngày chính thức giao dịch: 15/01/2010). Như vậy, Vốn góp của cổ đông tại thời điểm hiện tại là: 120.305.510.000 đồng.

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009: 422.794.877.551 đồng

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 12.030.551 cổ phiếu, trong đó toàn bộ là cổ phiếu phổ thông.

Cổ tức đã chia cho các cổ đông: 30% bằng tiền mặt (tương đương: 31.079.807.000 đồng).

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2009, hầu hết các sản phẩm dịch vụ chính của Công ty đều đạt mức tăng trưởng khá cao so với thực hiện năm 2008, cụ thể như sau:

- Bốc xếp cảng biển về container (không có hàng rời) đạt 319.000 teu, vượt 48 % so với thực hiện năm 2008. Số lượt tàu đến Cảng vượt 20 chuyến so với năm 2008.
- Bốc xếp cơ giới tại các CY đạt 477.500 teu, tương đương 4,5 triệu tấn, vượt 11,2 % so với thực hiện năm 2008.
- Đóng rút hàng trong container đạt 31.130 teu vượt 15 % so với thực hiện năm 2008.
- Vận tải ô tô đạt 2,984 triệu tấn, vượt 14,7 % về tấn so với thực hiện năm 2008. Về T.Km đạt 31,187 triệu T.Km.
- Đại lý container đạt 83.156 teu, tăng hơn 2 lần so với thực hiện năm 2008.
- Sửa chữa container đạt 3.388 container, tăng 2,7 lần so với thực hiện năm 2008.

Những tiên bộ Công ty đạt được

- Công ty đã tích cực đầu tư hợp lý nâng cấp cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị đồng bộ, tiếp tục mở rộng và hoàn thiện các khu vực kinh doanh kho bãi. Lựa chọn, sử dụng các nhà thầu phụ thích hợp, kịp thời hoàn thành các hạng mục đầu tư đúng tiến độ để đưa ngay vào phục vụ sản xuất.
- Áp dụng các phương pháp khai thác, quản lý tiến tiến để tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng dịch vụ. Bên cạnh đó, công tác Marketing được thực hiện linh hoạt, hợp lý, có kế hoạch đã góp phần làm tăng sản lượng thông qua cảng Green port và sản lượng các loại hình dịch vụ khác.
- Đã tiếp tục duy trì, củng cố các mối quan hệ bền vững với khách hàng cũ, tìm kiếm thêm nhiều khách hàng mới.
- Các quy trình sản xuất được hợp lý hóa.
- Rà soát, điều chỉnh các loại định mức kỹ thuật cho phù hợp. Tiết kiệm triệt để những chi phí không cần thiết.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty tiếp tục đầu tư, mở rộng sản xuất để đảm bảo sự phát triển và tăng trưởng bền vững. Sau đây là một số dự án đầu tư chính sắp tới:

- Hoàn thành thủ tục với các cơ quan quản lý T.P Hải Phòng để xin cấp khoảng 10 ha đất tại khu vực Đình Vũ, Hải Phòng và triển khai xây dựng bãi chứa container sau khi hoàn thành thủ tục đầu tư.
- Hoàn thành việc xây dựng trụ sở văn phòng tại T.P Hồ Chí Minh (tòa nhà 6 tầng).
- Tìm và mua tàu chở container có sức chở 500 – 700 teu.
- Mua thêm xe ô tô vận chuyển container để nâng cao năng lực vận chuyển. Nghiên cứu tình hình thị trường, năng lực hiện có để tiếp tục đầu tư các trang thiết bị phù hợp, xây dựng mở rộng kho và bãi chứa container.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009

Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009 ĐÃ KIỂM TOÁN – CÔNG TY MẸ

1. Báo cáo kiểm toán năm 2009 – Công ty Mẹ

Số: 05/2010/BCKT-TC/AAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính riêng cho năm 2009 của Công ty Cổ phần Container Việt Nam

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo Tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Container Việt Nam được lập ngày 05/02/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 6 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán viên của Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn thuế (AAT) thực hiện. Kiểm toán viên này đã đưa ra báo cáo kiểm toán số 07/2009/BCKT/AAT ngày 24/02/2009 với ý kiến chấp nhận toàn bộ.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2010

**Công ty TNHH Kiểm toán, kế toán
và Tư vấn thuế (AAT)
Phó Giám đốc**

(đã ký)

Trần Thị Nguyệt

Chứng chỉ KTV số: 0589/KTV

Kiểm toán viên

(đã ký)

Trần Thị Yến Ngọc

Chứng chỉ KTV số: 0926/KTV

2. Bảng cân đối kế toán đã kiểm toán tại ngày 31/12/2009 – Công ty Mẹ

Đơn vị tính: đồng Việt nam

TÀI SẢN	TM	31/12/2009	01/01/2009
A TÀI SẢN NGẮN HẠN		272,180,811,731	182,334,242,309
I Tiền và các khoản tương đương tiền		7,971,971,182	42,797,579,254
1 Tiền	V.01	7,971,971,182	42,797,579,254
2 Các khoản tương đương tiền		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	162,308,640,000	79,447,460,000
1 Đầu tư ngắn hạn		162,308,640,000	79,447,460,000
2 Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn		94,570,650,731	49,220,939,024
1 Phải thu của khách hàng		76,634,009,107	35,971,701,832
2 Trả trước cho người bán		10,233,115,705	8,902,860,961
5 Các khoản phải thu khác	V.03	8,194,060,638	4,596,985,452
6 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)		(490,534,719)	(250,609,221)
IV Hàng tồn kho		2,880,786,052	2,712,915,699
1 Hàng tồn kho	V.04	2,880,786,052	2,712,915,699
V Tài sản ngắn hạn khác		4,448,763,766	8,155,348,332
1 Chi phí trả trước ngắn hạn		199,782,736	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ		3,313,233,343	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.05	411,529,687	2,838,049,532
4 Tài sản ngắn hạn khác		524,218,000	5,317,298,800
B TÀI SẢN DÀI HẠN		276,686,769,464	181,640,350,759
I Các khoản phải thu dài hạn			
II Tài sản cố định		233,153,156,559	140,033,978,909
1 Tài sản cố định hữu hình	V.08	221,945,345,706	133,802,584,825
- Nguyên giá		343,810,945,032	225,601,059,765
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(121,865,599,326)	(91,798,474,940)
3 Tài sản cố định vô hình	V.10	140,289,544	220,939,540
- Nguyên giá		827,175,830	827,175,830
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(686,886,286)	(606,236,290)
3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	11,067,521,309	6,010,454,544

III Bất động sản đầu tư	V.12		
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	V.13	40,360,170,808	38,470,170,808
1 Đầu tư vào công ty con		14,119,000,000	14,119,000,000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		26,241,170,808	24,351,170,808
V Tài sản dài hạn khác		3,173,442,097	3,136,201,042
1 Chi phí trả trước dài hạn	V.14	3,161,442,097	3,136,201,042
3 Tài sản dài hạn khác		12,000,000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		548,867,581,195	363,974,593,068

NGUỒN VỐN		31/12/2009	01/01/2009
A NỢ PHẢI TRẢ		129,557,382,225	80,972,128,485
I Nợ ngắn hạn		95,578,375,119	63,256,494,647
1 Vay và nợ ngắn hạn	V.15	20,955,241,611	9,473,098,092
2 Phải trả người bán		33,579,376,692	10,108,578,129
3 Người mua trả tiền trước		292,412,927	6,263,629
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	855,751,517	91,047,706
5 Phải trả người lao động		14,347,373,732	8,753,184,863
6 Chi phí phải trả	V.17	514,348,450	8,600,000
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.18	25,033,870,190	34,815,722,228
II Nợ dài hạn		33,979,007,106	17,715,633,838
3 Phải trả dài hạn khác		464,000,000	462,000,000
4 Vay và nợ dài hạn	V.20	32,333,619,683	16,386,740,099
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		1,181,387,423	866,893,739
B VỐN CHỦ SỞ HỮU		419,310,198,970	283,002,464,583
I Vốn chủ sở hữu	V.22	411,034,617,002	279,846,438,978
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		120,305,510,000	96,246,280,000
2 Thặng dư vốn cổ phần		37,231,904,775	37,439,760,000
4 Cổ phiếu quỹ		-	(11,304,495,545)
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		1,397,018,169	
7 Quỹ đầu tư phát triển		80,071,113,789	58,380,687,388
8 Quỹ dự phòng tài chính		8,872,547,812	7,290,367,759

9	Quỹ khác thuộc vốn chủ	152,558,062	152,558,062
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	163,003,964,395	91,641,281,314
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	8,275,581,968	3,156,025,605
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8,275,581,968	3,156,025,605
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		548,867,581,195	363,974,593,068

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã kiểm toán – Công ty Mẹ

Đơn vị tính: đồng Việt nam

Chỉ tiêu	TM	2009	2008
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.25	383,180,642,202	244,027,622,626
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	V.26		
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.27	383,180,642,202	244,027,622,626
4 Giá vốn hàng bán	VI.28	223,532,895,454	140,858,919,918
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		159,647,746,748	103,168,702,708
6 Doanh thu hoạt động tài chính	VI.29	18,935,785,136	19,955,205,379
7 Chi phí tài chính	VI.30	4,882,056,153	5,959,137,426
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>1,561,231,520</i>	<i>1,692,464,010</i>
8 Chi phí bán hàng		149,045,454	85,222,653
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp		11,486,851,044	7,937,983,054
10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		162,065,579,233	109,141,564,954
11 Thu nhập khác		604,231,573	3,321,839,679
12 Chi phí khác		840,528,571	146,294,594
13 Lợi nhuận khác		(236,296,998)	3,175,545,085
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		161,829,282,235	112,317,110,039
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.31	16,914,090,301	11,955,275,704
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		144,915,191,934	100,361,834,335
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		12,142	11,465

4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp đã kiểm toán – Công ty Mẹ

Đơn vị tính: đồng Việt nam

Chỉ tiêu	2009	2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	313,036,536,787	288,450,128,964
1		
2 Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(215,658,817,805)	(232,850,016,168)
3 Tiền chi trả cho người lao động	(34,279,146,317)	(30,430,565,316)
4 Tiền chi trả lãi vay	(1,561,231,520)	(1,370,072,296)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(15,977,375,259)	(16,391,548,193)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	223,593,153,374	206,046,592,507
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(154,905,771,999)	(137,088,489,593)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	114,247,347,261	76,366,029,905
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1 Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	(77,047,065,531)	(13,782,867,475)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	506,352,348	2,878,919,172
2		
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(119,385,900,000)	(86,000,000,000)
3		
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	40,320,000,000	92,118,000,000
4		
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(1,890,000,000)	(19,203,989,713)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	15,244,378,047	19,281,964,762
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(142,252,235,136)	(4,707,973,254)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		
1		
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(11,304,495,545)
2		
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	63,253,127,771	
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	(37,646,836,921)	(8,480,293,200)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính		
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(32,580,511,000)	(33,408,404,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(6,974,220,150)	(53,193,192,745)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(34,979,108,025)	18,464,863,906
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	42,797,579,254	25,143,836,426
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	153,499,953	(811,121,078)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	7,971,971,182	42,797,579,254

5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính – Công ty Mẹ

(Được kèm theo Báo cáo này)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009 ĐÃ KIỂM TOÁN – HỢP NHẤT

1. Báo cáo kiểm toán năm 2009 – Hợp nhất

Số: 06/2010/BCKT-TC/AAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty Cổ phần Container Việt Nam

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo Tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Container Việt Nam được lập ngày 05/02/2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 6 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán viên của Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn thuế (AAT) thực hiện. Kiểm toán viên này đã đưa ra báo cáo kiểm toán số 06/2009/BCKT/AAT ngày 24/02/2009 với ý kiến chấp nhận toàn bộ.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện

việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại thuyết minh III.4 phần thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2010

**Công ty TNHH Kiểm toán, kế toán
và Tư vấn thuế (AAT)
Phó Giám đốc
(đã ký)**

**Kiểm toán viên
(đã ký)**

Trần Thị Nguyệt

Chứng chỉ KTV số: 0589/KTV

Trần Thị Yến Ngọc

Chứng chỉ KTV số: 0926/KTV

2. Bảng cân đối kế toán đã kiểm toán tại ngày 31/12/2009 - Hợp nhất

Đơn vị tính: đồng Việt nam

TÀI SẢN	TM	31/12/2009	01/01/2009
A TÀI SẢN NGẮN HẠN		357,045,684,923	255,598,868,714
I Tiền và các khoản tương đương tiền		58,984,835,196	79,237,303,754
1 Tiền	V.01	58,984,835,196	79,237,303,754
2 Các khoản tương đương tiền		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	167,676,348,083	83,030,209,628

1	Đầu tư ngắn hạn		167,676,348,083	83,030,209,628
2	Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn		117,932,047,747	80,197,481,525
1	Phải thu của khách hàng		96,733,351,909	62,835,582,937
2	Trả trước cho người bán		10,233,115,705	13,336,203,601
5	Các khoản phải thu khác	V.03	11,940,182,539	4,766,035,895
6	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)		(974,602,406)	(740,340,908)
IV	Hàng tồn kho		3,339,377,918	3,257,853,436
1	Hàng tồn kho	V.04	3,339,377,918	3,257,853,436
V	Tài sản ngắn hạn khác		9,113,075,979	9,876,020,371
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		199,782,736	
2	Thuế GTGT được khấu trừ		3,803,357,819	
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.05	411,529,687	2,955,631,494
4	Tài sản ngắn hạn khác		4,698,405,737	6,920,388,877
B	TÀI SẢN DÀI HẠN		290,302,751,149	182,623,263,056
I	Các khoản phải thu dài hạn			
II	Tài sản cố định		255,671,234,953	151,037,560,429
1	Tài sản cố định hữu hình	V.08	243,768,006,975	144,637,899,532
-	Nguyên giá		375,681,223,220	244,440,450,502
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(131,913,216,245)	(99,802,550,970)
3	Tài sản cố định vô hình	V.10	141,067,318	226,383,982
-	Nguyên giá		841,175,830	841,175,830
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(700,108,512)	(614,791,848)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	11,762,160,660	6,173,276,915
III	Bất động sản đầu tư	V.12		
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	V.13	29,081,500,000	27,191,500,000
1	Đầu tư vào công ty con		-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		29,081,500,000	27,191,500,000
V	Tài sản dài hạn khác		5,550,016,196	4,394,202,627
1	Chi phí trả trước dài hạn	V.14	4,929,542,096	3,778,330,027
3	Tài sản dài hạn khác		620,474,100	615,872,600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			647,348,436,072	438,222,131,770

NGUỒN VỐN		31/12/2008	1/1/2008
A	NỢ PHẢI TRẢ	216,135,674,444	149,470,241,342
I	Nợ ngắn hạn	179,347,436,241	131,441,408,517
1	Vay và nợ ngắn hạn	V.15 24,536,820,572	9,473,098,092
2	Phải trả người bán	63,971,029,994	32,091,576,361
3	Người mua trả tiền trước	1,610,102,576	1,359,150,543
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16 4,410,680,737	5,420,283,284
5	Phải trả người lao động	18,476,557,364	10,933,081,986
6	Chi phí phải trả	V.17 1,270,519,902	143,860,180
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.18 65,071,725,096	72,020,358,071
II	Nợ dài hạn	36,788,238,203	18,028,832,825
3	Phải trả dài hạn khác	1,013,131,404	649,321,854
4	Vay và nợ dài hạn	V.20 34,346,119,683	16,386,740,099
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	1,428,987,116	992,770,872
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	431,212,761,628	288,751,890,428
I	Vốn chủ sở hữu	V.22 422,794,877,551	285,264,151,422
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	120,305,510,000	96,246,280,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	37,231,904,775	37,439,760,000
4	Cổ phiếu quỹ		(11,304,495,545)
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1,378,704,473	
7	Quỹ đầu tư phát triển	80,071,113,789	58,380,687,388
8	Quỹ dự phòng tài chính	9,619,514,053	8,037,334,000
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ	152,558,062	152,558,062
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	174,035,572,399	96,312,027,517
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	8,417,884,077	3,487,739,006
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8,417,884,077	3,487,739,006
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		647,348,436,072	438,222,131,770

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã kiểm toán - Hợp nhất

Đơn vị tính: đồng Việt nam

Chỉ tiêu	TM	2009	2008
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.25	457,659,941,389	312,750,286,483
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	V.26	146,674,395	
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.27	457,513,266,994	312,750,286,483
4 Giá vốn hàng bán	VI.28	277,453,159,305	197,612,860,523
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		180,060,107,689	115,137,425,960
6 Doanh thu hoạt động tài chính	VI.29	22,086,451,066	22,668,492,968
7 Chi phí tài chính	VI.30	5,977,130,944	7,094,354,671
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>1,741,745,262</i>	<i>1,692,464,010</i>
8 Chi phí bán hàng		149,045,454	85,222,653
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp		21,963,652,813	17,063,372,056
10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		174,056,729,544	113,562,969,548
11 Thu nhập khác		1,189,387,660	4,678,799,757
12 Chi phí khác		999,642,443	528,046,468
13 Lợi nhuận khác		189,745,217	4,150,753,289
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		174,246,474,761	117,713,722,837
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.31	19,197,636,870	13,401,510,601
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		155,048,837,891	104,312,212,236
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		12,992	11,916

4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp đã kiểm toán – Hợp nhất

Đơn vị tính: đồng Việt nam

Chỉ tiêu	2009	2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	443,284,351,731	408,324,684,033
1 Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(268,389,630,558)	(305,718,061,658)
2 Tiền chi trả cho người lao động	(50,519,580,092)	(43,381,890,509)
3 Tiền chi trả lãi vay	(1,741,745,262)	(1,370,072,296)
4 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(16,692,730,367)	(17,644,765,330)
5 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	967,355,167,327	932,411,836,658
6 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(947,382,589,163)	(869,856,615,342)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	125,913,243,616	102,765,115,556
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1 Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	(81,416,154,691)	(28,464,133,375)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	506,352,348	3,742,630,365
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(121,637,520,000)	(90,957,510,000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	41,098,798,528	95,881,510,000
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(1,890,000,000)	(19,203,989,713)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	18,245,487,748	21,832,824,943
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(145,093,036,067)	(17,168,667,780)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(11,304,495,545)
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	71,455,124,271	
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	(40,254,754,460)	(8,480,293,200)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính		
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(32,580,511,000)	(33,408,404,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(1,380,141,189)	(53,193,192,745)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(20,559,933,640)	32,403,255,031
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	79,237,303,754	47,710,544,821
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	307,465,082	(876,496,098)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	58,984,835,196	79,237,303,754

5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính - Hợp nhất

(Được kèm theo Báo cáo này)

BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kiểm toán độc lập

Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Dịch vụ kiểm toán, kế toán và tư vấn thuế AAT

(Auditing, Accounting And Tax Advisory Services Company Limited)

Địa chỉ: P.2407 Nhà 34T – Khu đô thị mới Trung Hoà – Nhân Chính, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel.: 84.4.2.2210082 / 84.4.2.2410949 / 84.4.2.2413585

Fax.: 84.4.2.2210084

Ý kiến kiểm toán độc lập:

Báo cáo tài chính Riêng (Công ty Mẹ):

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính Hợp nhất:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại thuyết minh III.4 phần thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

<i>Các Công ty liên quan</i>	<i>Mối qua hệ</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi sao xanh	Công ty con	100 %
Công ty TNHH Container Miền trung	Công ty con	100 %

Công ty TNHH Toàn cầu xanh	Công ty con	100 %
Công ty TNHH Tuyển TS	Công ty con	100 %
Công ty TNHH Liên doanh MSC Việt Nam	Công ty liên doanh	Đồng kiểm soát
Công ty Cổ phần Tiếp vận xanh	Công ty liên kết	33,33 %
Công ty Cổ phần Logistics tương lai Việt nam	Công ty liên kết	45 %

- ♦ Công ty Liên doanh MSC Việt Nam:
Vốn điều lệ: 200.000 USD, trong đó Viconship đóng góp 29% vốn điều lệ.
- ♦ Công ty Cổ phần Tiếp vận xanh:
Vốn điều lệ: 60 tỷ đồng, trong đó Viconship đã đóng góp 33,33% vốn điều lệ.
- ♦ Công ty Cổ phần Logistics tương lai Việt nam:
Vốn điều lệ theo đăng ký: 30 tỷ đồng. Vốn góp tại thời điểm hiện tại: 21 tỷ đồng, trong đó Viconship đã góp 45%.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty cổ phần Container Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, các Luật khác và điều lệ Công ty cổ phần container Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

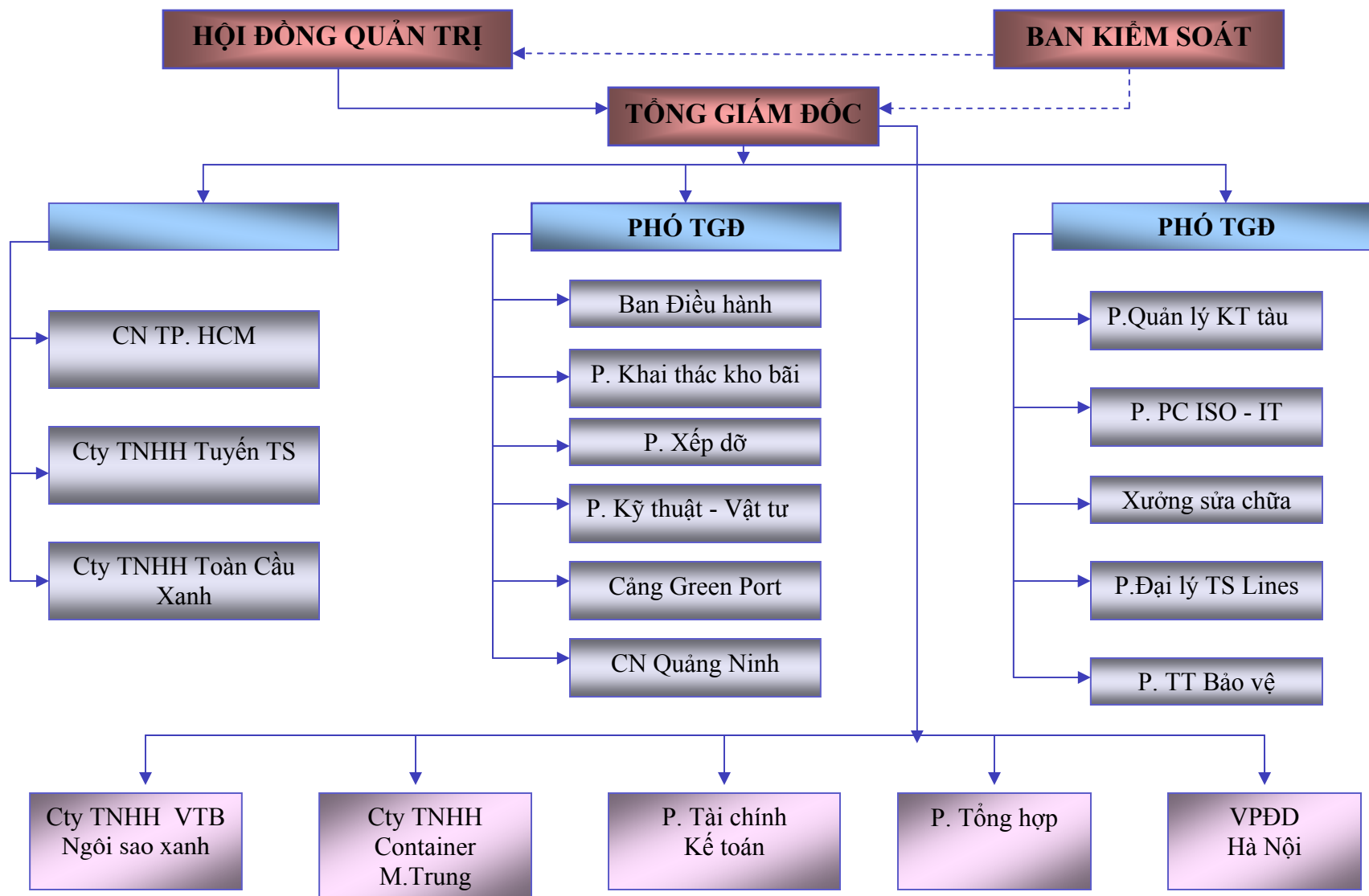
Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty cổ phần Container Việt Nam đã xây dựng và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, định hướng hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, với các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và phụ thuộc trên cả 3 miền Bắc, Trung, Nam như sau:

* Đơn vị thành viên

- ♦ Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi sao xanh
- ♦ Công ty TNHH Container Miền Trung
- ♦ Công ty TNHH tuyển T.S
- ♦ Công ty TNHH Toàn Cầu Xanh;
- ♦ Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh;
- ♦ Chi nhánh Công ty tại Quảng Ninh;

- ◆ Cảng Green Port.
- * ***Đơn vị liên doanh và liên kết***
 - ◆ Công ty Liên doanh MSC Việt Nam
 - ◆ Công ty Cổ phần Tiếp vận xanh
 - ◆ Công ty Cổ phần Logistics tương lai Việt nam
- * ***Các phòng, ban trong Công ty***
 - ◆ Phòng Tài chính - Kế toán
 - ◆ Phòng Tổng hợp
 - ◆ Phòng Kỹ thuật - Vật tư
 - ◆ Ban Điều hành sản xuất kinh doanh
 - ◆ Phòng Quản lý khai thác tàu container
 - ◆ Phòng khai thác kho bãi
 - ◆ Phòng Xếp dỡ
 - ◆ Xưởng sửa chữa
 - ◆ Phòng Thanh tra bảo vệ
 - ◆ Phòng Pháp chế ISO- IT
 - ◆ Phòng Đại lý TS. Line
 - ◆ Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



Ban điều hành**1. Ông Nguyễn Việt Hòa – Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc**

Ngày sinh : 12/08/1956
Nơi sinh : Ninh Bình
Số CMND : 030204135
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Quê quán : Thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
Địa chỉ thường trú : 11 Võ Thị Sáu – Ngô Quyền - Hải Phòng
Điện thoại cơ quan : (031) 3 836 705
Trình độ văn hóa : 10/10
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư máy xếp dỡ
Quá trình công tác :
✓ 1978 – 1983 : Cán bộ giảng dạy trường Đại học Giao thông Thủy Hải Phòng
✓ 1983 – 1984 : Cán bộ điều độ Công ty Container Việt Nam
✓ 1984 – 1985 : Phó phòng khai thác Đại lý đường biển I
✓ 1985 – 1993 : Trưởng phòng điều độ, Đội trưởng đội xe, Xưởng trưởng
Trưởng đại diện Công ty Container Việt Nam tại Hà Nội
✓ 1993 – 1997 : Phó giám đốc Công ty Container Việt Nam
✓ 1997 – 2001 : Giám đốc Công ty Container Việt Nam
✓ 2002 – nay : Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Cty Cổ phần Container VN
Chức vụ hiện tại : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần
Container Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

2. Ông Hoàng Trọng Giang – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh : 02/10/1957
Nơi sinh : Thái Sơn, Kiến An, Hải Phòng
Số CMND : 024210058
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Thái Sơn, An Lão, Hải Phòng
 Địa chỉ thường trú : 123 đường Huỳnh Tấn Phát khu phố 4, P. Tân Thuộc Đông,
 Quận 7, TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại cơ quan : (08) 8 248 226
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghệ máy hàn
 Quá trình công tác :
 ✓ 12/1980 – 3/1983 : Chiến sỹ Xưởng 55 Bộ Tư lệnh Vùng V Hải quân
 ✓ 03/1984 – 07/1990 : Cán bộ kỹ thuật, phụ trách Xưởng sửa chữa Công ty container
 VN
 ✓ 8/1990 – 8/1996 : Đại lý viên, Trưởng phòng đại lý Blasco Công ty container VN
 ✓ 9/1996 – 06/2002 : Giám đốc Xí nghiệp Vận chuyển Container Infacon
 ✓ 07/2002 – 03/2003 : Giám đốc Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần
 Container Phía Bắc
 ✓ 04/2003 – nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam
 kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty thành phố Hồ Chí Minh.
 Chức vụ hiện tại : Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc
 Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại thành phố
 Hồ Chí Minh.
 Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không.
 Các khoản nợ đối với Công ty: không.
 Lợi ích liên quan với Công ty: không.

3. Ông Lương Hoài Trân – Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh : 28/05/1955
 Nơi sinh : Chiến Thắng, An Lão, Hải Phòng
 Số CMND : 030197897
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Quê quán : Chiến Thắng, An Lão, Hải Phòng
 Địa chỉ thường trú : Số nhà 9B Đoạn Xá, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng
 Điện thoại cơ quan : (031) 3 552 157
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế, thạc sĩ quản trị kinh doanh.

- Quá trình công tác :
- ✓ 08/1973 – 8/1976 : Hạ sỹ quan chiến trường QK 5 Đoàn 559/BTL Trường Sơn, Chiến trường QK5
 - ✓ 09/1976 – 10/1981 : Sinh viên trường Đại học Giao thông Thủy
 - ✓ 11/1981 – 09/1986 : Cán bộ Giảng dạy Khoa Kinh tế, Đại học Hàng Hải
 - ✓ 10/1986 – 09/1993 : Nhân viên, Phó phòng, Trưởng phòng Công ty Container VN
 - ✓ 09/1993 - 02/2002 : Phó Giám đốc Công ty Container Việt Nam
 - ✓ 02/2002 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam.
- Chức vụ hiện tại : Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Container Việt Nam.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không.
- Lợi ích liên quan với Công ty: không.

4. Ông Nguyễn Văn Tiến – Ủy viên HĐQT HĐQT – Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh : 19/11/1969
- Nơi sinh : Ái Quốc, Nam Sách, Hải Dương
- Số CMND : 030969378
- Dân tộc : Kinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Quê quán : Ái Quốc, Nam Sách, Hải Dương
- Địa chỉ thường trú : 20/8B Cù Chính Lan, Hải Phòng
- Điện thoại cơ quan : (031) 3 741 166
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế
- Quá trình công tác :
- ✓ 1992 - 1993 : Nhân viên Phòng Tiền lương, Xưởng cơ khí sửa chữa Cảng HP
 - ✓ 1993 - 1994 : Chỉ đạo Xí nghiệp Cảng Chùa Vẽ (cảng HP)
 - ✓ 1994 – 1996 : Trưởng phòng phục vụ khách hàng XN cảng Chùa Vẽ
 - ✓ 1996 – 1998 : Chuyên viên Phòng Thương vụ cảng Hải Phòng
 - ✓ 1998 – 1999 : Trưởng phòng Phòng Thị trường Steamer, Vietfracht
 - ✓ 1999 – 2004 : Trưởng phòng Phòng Thương vụ khai thác Cảng Transvina

- ✓ 6/2004 – 8/2008 : Giám đốc Xí nghiệp cảng Viconship (Green Port), Công ty cổ phần Container Việt Nam.
- ✓ 9/2008 – đến nay : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp cảng Viconship (Green Port) Công ty cổ phần Container Việt Nam.
- Chức vụ hiện tại : Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Cảng Viconship (Green Port).
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không.
- Lợi ích liên quan với Công ty: không.

Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm: không.

Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc

Theo quy chế tiền lương và thưởng của Công ty.

Chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động bình quân trong năm là 667 người.

Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Chế độ làm việc:

Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...

Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Công ty, Công ty đặc biệt chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của cán bộ công nhân viên.

Đối với lao động trực tiếp:

Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo trực tiếp lao động ngay tại Công ty kết hợp cử những lao động có tay nghề cao, kinh nghiệm lâu năm tham dự các khoá đào tạo kiến thức, kỹ năng thực hiện các ngành nghề, dịch vụ mà công ty định hướng phát triển; thường xuyên cử các nhóm lao động đi tham quan học hỏi kinh nghiệm kinh doanh trong và ngoài nước, nhằm hoàn thiện hơn kỹ năng và trình độ của người lao động.

Đối với lao động gián tiếp:

Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học cả trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp yêu cầu công việc, tham gia các khoá tập huấn các chế độ chính sách mới của Nhà nước.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

Công ty áp dụng chính sách trả lương theo năng suất và hiệu quả làm việc của từng lao động. Có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến và giải pháp kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

Hàng năm, Công ty tổ chức cho Cán bộ Công nhân viên đi tham quan, du lịch nhằm khuyến khích động viên người lao động gắn bó với Công ty.

THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị: là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Hội đồng quản trị họp định kỳ để tổng kết công tác hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra phương hướng kế hoạch cho thời gian tới. HĐQT hiện nay của Công ty có 09 thành viên, mỗi nhiệm kỳ của từng thành viên là 05 năm. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra. HĐQT gồm có :

Danh sách	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (thời điểm 25/02/2010)
- Ông Nguyễn Việt Hòa	Chủ tịch HĐQT	1,73%
- Ông Hoàng Trọng Giang	Phó chủ tịch	0,63%
- Ông Nguyễn Văn Tiến	Ủy viên	0,12%
- Ông Lương Hoài Trân	Ủy viên	0,58%
- Ông Nguyễn Việt Lãng	Ủy viên	0,50%
- Ông Trần Xuân Bạo	Ủy viên	0,22%
- Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên	0,78%
- Ông Lương Quốc Trọng	Ủy viên	0,42%
- Bà Hoàng Thị Hà	Ủy viên	0,36%

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT không thay đổi trong năm 2009.

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với HĐQT và Ban tổng giám đốc, BKS do ĐHCĐ bầu ra và thay mặt ĐHCĐ giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHCĐ. Ban kiểm soát căn cứ chức năng nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý hợp pháp trong báo cáo quyết toán tài chính của Công ty, đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm. Ban Kiểm soát gồm:

Danh sách	Chức vụ
- Bà Bùi Thị Bích Loan	Trưởng ban
- Ông Lâm Văn Tam	Ủy viên
- Bà Nguyễn Thị Kim Nhã	Ủy viên

Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2009 là 0,7 % lợi nhuận sau thuế, tương đương 1.080.000.000 đồng.

Năm 2009 không có giao dịch cổ phiếu Công ty của bản thân các thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và những người liên quan.

Các dữ liệu thống kê về cổ đông tại thời điểm 25/02/2010**Cổ đông góp vốn trong nước:**

Cá nhân:

- Tổng số người: 1.108 cổ đông
- Tổng số lượng cổ phiếu nắm giữ: 4.311.864 cổ phiếu
- Tỷ lệ nắm giữ: 35,84 %

Tổ chức:

- Tổng số: 33 tổ chức
- Tổng số lượng cổ phiếu nắm giữ: 4.140.811 cổ phiếu
- Tỷ lệ nắm giữ: 34,42 %

Trong đó, có 01 cổ đông lớn:

- **Tổng Công ty Hàng hải Việt nam** (Đại diện cho phần vốn Nhà nước tại Công ty)
- Địa chỉ: Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Đống Đa, Hà nội
- Tổng số lượng cổ phiếu nắm giữ: 3.394.590 cổ phiếu

- Tỷ lệ nắm giữ: 28,22 %

Cổ đông góp vốn nước ngoài:

Cá nhân:

- Tổng số người: 58 cổ đông
- Tổng số lượng cổ phiếu nắm giữ: 254.559 cổ phiếu
- Tỷ lệ nắm giữ: 2,12 %

Tổ chức:

- Tổng số: 34 tổ chức
- Tổng số lượng cổ phiếu nắm giữ: 3.323.317 cổ phiếu
- Tỷ lệ nắm giữ: 27,62 %

Trong đó, có 01 cổ đông lớn:

- **VIETNAM HOLDING LTD**
- Địa chỉ: CARD CORPORATE SERVICES LTD, 2TH FLOOR, ZEPHYR HOUSE, 122 MARY PO BOX 709GT, GEORGE TOWN, GRAND CAYMAN, CAYMAN ISLANDS
- Tổng số lượng cổ phiếu nắm giữ: 818.812 cổ phiếu
- Tỷ lệ nắm giữ: 6,81 %

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Việt Hòa